

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP  
HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**ĐÃ KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

*Báo cáo của Ban Giám đốc  
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT ĐÀ NẴNG**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

## MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. <b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
2. <b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	4
3. <b>CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012	5 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012	10

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 1. Thành lập

Công ty là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000681 ngày 01 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 5 số 0400101482 ngày 23 tháng 04 năm 2012

Trụ sở chính của công ty đặt tại: 53 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.

### 2. Hoạt động kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ các mặt hàng hóa chất phục vụ công nghiệp, nông nghiệp, tiêu dùng, các loại phân bón, thuốc trừ sâu, chất tẩy rửa, hạt nhựa, sản phẩm nhựa, các loại hóa chất cơ bản, bao bì, sản phẩm trang trí nội thất;
- Sản xuất, kinh doanh, chế tạo gia công các sản phẩm cơ khí công nghiệp và dân dụng, các loại máy móc thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện dân dụng và công nghiệp, máy tính, sản phẩm tin học, phần mềm;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê kho bãi, cho thuê văn phòng làm việc;
- Bốc xếp hàng hóa, dịch vụ kho vận, kinh doanh vận tải hàng hóa;

### 3. Các thành viên Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm cho đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Nguyễn Đình Huỳnh	Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị
Trần Tấn Nghinh	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Phú Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Trần Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Ván	Phó Tổng Giám đốc

### 4. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 được tóm tắt như sau:

- Doanh thu	Đơn vị: VND 647.885.272.419
- Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	42.846.870.404

## 5. Tình hình thực hiện vốn góp của nhà đầu tư

Tính đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp vốn vào Công ty số tiền như sau:

Cổ đông	Vốn góp đến ngày 31/12/2012	
	Đơn vị tính: VND	%
Vốn góp Nhà nước	9.004.110.000	37,32%
Vốn góp của các cổ đông khác	15.121.070.000	62,68%
<b>Cộng</b>	<b>24.125.180.000</b>	

## 6. Sự kiện sau ngày lập Bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

## 7. Công ty Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K đã được chỉ định kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012.

## 8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính và đảm bảo các báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong các năm tài chính kết thúc vào cùng ngày. Để lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

**9. Ý kiến của Ban Giám đốc:**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày.

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2013

**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**  
(Đã ký)



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K**  
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY LTD.  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K**  
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY LTD - BRANCH OFFICE  
Địa chỉ : 42 Trần Hưng, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng  
Tel : 0511.365.1818 - 390.3838 \* Fax : 0511.365.1868 \* MST : 010479156-002  
Email : kien@thanglongtdk.com, kien@thanglongtdk@gmail.com  
Địa chỉ : 2491 Tiểu Dãy Hưng (31 Đ. Quang), Q. Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại : 04.22510088 - Fax : 04.62111323  
Email : thanglongtdk@gmail.com \* www.kien@thanglongtdk.com

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Số: 53613/TLTDK-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Đồng Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 18 tháng 03 năm 2013, từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 01 – DN**

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>149.903.133.850</b>	<b>176.672.813.102</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.097.128.450</b>	<b>2.274.991.574</b>
1. Tiền	111	(1)	8.097.128.450	2.274.991.574
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.079.000.000</b>	<b>9.550.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(2)	11.079.000.000	9.550.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>43.288.768.662</b>	<b>42.026.642.849</b>
1. Phải thu khách hàng	131	(3)	42.149.039.604	37.921.562.404
2. Trả trước cho người bán	132	(3)	3.180.168.236	1.848.347.663
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	(4)	2.431.027.822	2.256.732.782
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.471.467.000)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>85.495.746.806</b>	<b>110.968.850.744</b>
1. Hàng tồn kho	141	(5)	85.495.746.806	110.968.850.744
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	(6)	<b>1.942.489.932</b>	<b>11.852.327.935</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		293.771.932	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		168.662.657	4.725.962.168
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.480.055.343	7.126.365.767



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>103.017.642.620</b>	<b>111.098.740.580</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>86.106.458.859</b>	<b>95.794.646.300</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		<b>46.372.481.923</b>	<b>24.881.479.904</b>
<i>Nguyên giá</i>	222	(7)	122.343.507.056	85.342.080.655
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(75.971.025.133)	(60.460.600.751)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		<b>39.733.976.936</b>	<b>39.733.976.936</b>
<i>Nguyên giá</i>	228	(8)	39.763.976.936	39.763.976.936
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(30.000.000)	(30.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			31.179.189.460
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<i>Nguyên giá</i>	241			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>16.911.183.761</b>	<b>15.304.094.280</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	(9)	11.781.183.761	10.174.094.280
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.130.000.000	5.130.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>252.920.776.470</b>	<b>287.771.553.682</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>99.182.529.650</b>	<b>163.436.452.223</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.568.182.830</b>	<b>155.296.924.304</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(10)	60.497.810.202	115.382.958.230
2. Phải trả người bán	312	(11)	7.996.623.941	14.395.353.761
3. Người mua trả tiền trước	313	(11)	2.592.507.447	4.734.817.150
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(12)	11.534.637.578	5.260.056.659
5. Phải trả người lao động	315	(13)	2.049.455.110	4.573.026.031
6. Chi phí phải trả	316	(14)	154.447.501	837.297.845
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(15)	1.194.230.425	2.600.139.417
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	(16)	9.548.470.626	7.513.275.211
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.614.346.820</b>	<b>8.139.527.919</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		40.000.000	40.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			3.242.950.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			90.782.160
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	(15)	3.574.346.820	4.765.795.759
9. Quỹ khoa học và phát triển công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	(17)	<b>153.738.246.820</b>	<b>124.335.101.459</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>153.738.246.820</b>	<b>124.335.101.459</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.125.180.000	20.104.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57.481.860	57.481.860
3. Vốn khác chủ sở hữu	413		127.537.817	127.537.817
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		50.256.514.466	43.397.088.220
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.339.040.430	8.052.565.015
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		68.832.492.247	52.595.738.547
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>252.920.776.470</b>	<b>287.771.553.682</b>

	<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
	USD		73.887,72	300,84
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2013*

**Tổng Giám đốc**

*(Đã ký)*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu B 02 – DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	(18)	<b>647.885.272.419</b>	<b>569.960.936.907</b>
2.	Các khoản giảm trừ	02		2.393.798.336	21.333.333
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>645.491.474.083</b>	<b>569.939.603.574</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	(19)	577.626.103.752	505.682.327.688
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>67.865.370.331</b>	<b>64.257.275.886</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	(20)	5.887.719.890	1.628.469.807
7.	Chi phí tài chính	22	(21)	9.881.575.732	15.466.113.017
	<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.821.591.576</i>	<i>14.659.465.367</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		9.173.773.105	5.922.007.419
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.576.290.000	15.575.450.589
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>41.121.451.384</b>	<b>28.922.174.668</b>
11.	Thu nhập khác	31		2.684.372.713	1.384.986.615
12.	Chi phí khác	32		958.953.693	204.915.747
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.725.419.020</b>	<b>1.180.070.868</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>42.846.870.404</b>	<b>30.102.245.536</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(22)	6.698.352.009	5.157.717.980
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>36.148.518.395</b>	<b>24.944.527.556</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2013

**Tổng Giám đốc**  
(Đã ký)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Mẫu B 03 – DN**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	699.644.420.851	614.647.285.612
	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	614.428.193.084	569.660.723.178
	Tiền chi trả cho người lao động	03	29.285.691.232	21.711.670.832
	Tiền chi trả lãi vay	04	9.846.809.399	14.473.826.207
	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	995.366.120	6.138.401.233
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	43.939.070.591	29.198.861.667
	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	23.401.003.402	33.670.190.898
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>65.626.428.205</b>	<b>(1.808.665.069)</b>
<b>II.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	104.641.644	4.411.499.900
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.749.552.000	7.499.832.424
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	2.374.776.000	
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	869.939.617	1.245.162.820
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.609.478.027)</b>	<b>(10.666.169.504)</b>
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu,	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	532.459.906.274	488.097.929.263
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	590.588.004.302	480.010.288.037
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	66.715.274	67.600.000
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(58.194.813.302)</b>	<b>8.020.041.226</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>5.822.136.876</b>	<b>(4.454.793.347)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.274.991.574</b>	<b>6.729.784.921</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8.097.128.450</b>	<b>2.274.991.574</b>

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2012

**Tổng Giám đốc**  
(Đã ký)